

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ TÍN DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

● NGUYỄN QUỐC BÌNH - LÊ TUẤN MÃNH
- NGUYỄN ĐỨC VINH - HUYNH DUY THANH

TÓM TẮT:

Trên cơ sở nghiên cứu những dữ liệu thu thập được trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022 nhóm tác giả phân tích thực trạng về hiệu quả kinh tế của các Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, so sánh với một số tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tìm những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các QTDND trên địa bàn, từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động các Quỹ tín dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.

Từ khóa: quỹ tín dụng, tổ chức tín dụng, hiệu quả hoạt động, tỉnh Vĩnh Long.

1. Đặt vấn đề

Hiệu quả kinh tế là một chỉ tiêu luôn được các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nói chung cũng như các tổ chức tín dụng nói riêng rất quan tâm. Nhất là đối với các tổ chức tài chính vi mô như QTDND thì các chỉ số nói lên hiệu quả kinh tế như ROA và ROE càng được quan tâm hơn, khi nó đồng thời vừa phải đóng vai trò như một ngân hàng thương mại, phải đảm bảo các mục tiêu kinh tế cho sự tồn tại và phát triển, đồng thời cũng phải đảm bảo sứ mệnh như một tổ chức tương hỗ, giúp phát triển hoạt động sản xuất - kinh doanh, nâng cao đời sống của nhân dân địa phương, tạo điều kiện để những khách hàng ở những khu vực nông thôn dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ và các hoạt động ngân hàng nhằm

hạn chế vấn nạn cho vay nặng lãi đang tồn tại ở nhiều nơi. Các QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long với vai trò của mình trong những năm qua có những đóng góp rất tích cực trong việc phát triển kinh tế địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, nhất là các thành viên có tham gia góp vốn vào các QTD, nhưng trong quá trình hoạt động các quỹ tín dụng trên địa bàn Vĩnh Long đã gặp không ít khó khăn dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp hơn rất nhiều so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Với vai trò là một tổ chức tài chính vi mô tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong công tác quản lý, nhưng cũng phải đảm bảo các yêu cầu kinh tế cho sự tồn

tại và phát triển của bản thân, QTDND đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải quyết hài hòa hai mục tiêu trên. Điều này đã thôi thúc các nhà nghiên cứu đi tìm giải pháp giúp các QTDND vừa đảm bảo được mục tiêu kinh tế - xã hội trong sứ mệnh mà các QTDND đã được giao theo khoản 1 điều 3 Luật Hợp tác xã năm 2012 cũng như tại khoản 6 điều 4 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Cũng tương tự như các QTDND trên phạm vi cả nước, trong quá trình hoạt động của mình, các QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long gặp rất nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của nó, nhất là so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long thì hiệu quả hoạt động của các QTDND trên địa bàn thấp hơn rất nhiều. Đó chính là lý do để nhóm nghiên cứu tìm “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các Quỹ tín dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long” trên cơ sở nghiên cứu những dữ liệu thu thập được trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022.

2. Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu

Hiệu quả là sự so sánh kết quả đầu ra và yếu tố nguồn lực đầu vào, nếu kết quả được ký hiệu là K, C là yếu tố nguồn lực đầu vào và A là hiệu quả thì ta có công thức sau để xác định hiệu quả: $A = K/C$

Có rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối nhân quả giữa các yếu tố nguồn lực đầu vào với kết quả đạt được ở đầu ra. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Davydenko, Antonina (2011) đã chỉ ra rằng ROA và ROE là 2 chỉ số mang ý nghĩa khác nhau, nhưng chúng đều chỉ ra hiệu quả hoạt động để tạo ra lợi nhuận cho ngân hàng và hoạt động của các QTDND.

Bên cạnh đó có nhiều nghiên cứu ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long cũng như trên phạm vi cả nước về những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của QTDND cũng đã chỉ ra rằng “hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh còn thấp do hạn chế về năng lực tài chính, sản phẩm dịch vụ đơn điệu, chính sách khách hàng chưa hoàn thiện” theo Điều (2016) hay Anh (2021) khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số lợi nhuận của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn đồng bằng

sông Cửu Long đã chỉ ra rằng “có 3 yếu tố có ảnh hưởng đến chỉ số lợi nhuận của QTDND, đó là: quy mô tổng tài sản, tăng trưởng vốn huy động, lạm phát”.

Hơn nữa, từ kết quả tham vấn ý kiến chuyên gia, những người có công tác liên quan đến việc quản lý các hoạt động của QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thông qua việc lấy ý kiến của 40 chuyên gia đã có kết quả cụ thể như tại Bảng 1.

Căn cứ vào các luận điểm và thực tiễn về những nhân tố tác động đến hiệu quả kinh tế các quỹ tín dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, bài viết sử dụng mô hình hồi quy hiệu ứng cố định (EFM-fixed effects regression model) để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long như sau:

$$Y_{it} = \beta_0 + \beta_1 X_{1it} + \beta_2 X_{2it} + \beta_3 X_{3it} + \beta_4 X_{4it} + \beta_5 X_{5it} + \beta_6 X_{6it} + \beta_7 X_{7it} + w_{it}$$

Trong đó:

- Y (biến phụ thuộc): là các chỉ số ROA và ROE

- X_i (là các biến độc lập), chúng chỉ ra các yếu tố có ảnh hưởng và mức độ tác động của nó đến hiệu quả hoạt động của các QTDND ở tỉnh Vĩnh Long, các biến độc lập được đưa vào mô hình gồm có:

X_1 : Lãi suất tiền gửi bình quân có tác động cùng chiều hoặc ngược chiều đến hiệu quả hoạt động của QTDND.

X_2 : Lãi suất cho vay bình quân có tác động cùng chiều hoặc ngược chiều đến hiệu quả hoạt động của QTDND.

X_3 : Số lao động có trình độ từ đại học trở lên có tác động cùng chiều đến hiệu quả hoạt động của QTDND.

X_4 : Chi phí đầu tư cho công nghệ có tác động cùng chiều đến hiệu quả hoạt động của QTDND.

X_5 : Số lần kiểm tra nội bộ có tác động cùng chiều đến hiệu quả hoạt động của QTDND.

X_6 : Thu nhập bình quân của người lao động.

i_1, i_2, i_3, i_4, i_5 là số lượng QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Bảng 1. Bảng thống kê kết quả tham vấn chuyên gia về các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động QTDND

Tên các nhân tố	Mức độ ảnh hưởng			
	Tổng tỷ lệ không và ít ảnh hưởng		Tổng tỷ lệ ảnh hưởng và rất ảnh hưởng	
	Tổng	Tỷ lệ	Tổng	Tỷ lệ
Số thành viên góp vốn	27	67.50%	13	32.50%
Vốn góp trung bình/mỗi thành viên	30	75.00%	10	25.00%
Số nhân viên tham gia các lớp tập huấn	35	87.50%	5	12.50%
Số lao động có trình độ từ đại học trở lên	2	5.00%	38	95.00%
Tổng tiền gửi bình quân	31	77.50%	9	22.50%
Lãi suất tiền gửi bình quân	12	30.00%	28	70.00%
Tổng giá trị cho vay trung bình	33	82.50%	7	17.50%
Lãi suất cho vay bình quân	11	27.50%	29	72.50%
Tỷ lệ nợ xấu	22	55.00%	18	45.00%
Tỷ lệ vốn CSH/Tổng nguồn vốn	37	92.50%	3	7.50%
Chi phí đầu tư cho công nghệ	8	20.00%	32	80.00%
Số lần thực hiện kiểm tra nội bộ	6	15.00%	34	85.00%
Thu nhập bình quân của người lao động	9	22.50%	31	77.50%

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

$t_1, t_2, t_3, \dots, t_{20}$ là số quý của dữ liệu thứ cấp thu thập được từ báo cáo của các QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long từ năm 2018 đến năm 2022.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng về hiệu quả kinh tế của các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long so với một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long

Theo nghiên cứu của (Thọ, 2019) về chỉ số ROA tại 62 QTDND ở 4 tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Tiền Giang và Long An trong 2 năm 2018 và 2019, chỉ số cao nhất lên đến 3.90% ở QTDND Mùa Xuân của Tiền Giang, trong khi đó, chỉ số này cao nhất ở các QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chỉ là 1.07%. Riêng với chỉ số ROE, sự chênh lệch này còn cao hơn nhiều khi mà chỉ số này cao nhất ở các QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chỉ đạt 24.06%, thấp hơn nhiều so với mức ROE ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Tiền Giang

và Long An trong nghiên cứu của (Thọ, 2019), cụ thể là ở QTDND Trị Yên của tỉnh Long An chỉ số này lên đến 59.67%. Từ những kết quả trên đã thôi thúc nhóm chúng tôi tìm hiểu và phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các QTDND trên địa bàn, trên cơ sở thu thập dữ liệu của tất cả 5 QTDND hiện đang hoạt động tại tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả kinh tế của các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Thông qua phương pháp định lượng bằng cách sử dụng phần mềm hỗ trợ Stata, nhóm nghiên cứu đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các QTDND ở Vĩnh Long, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các QTDND trên địa bàn Vĩnh Long. Mẫu nghiên cứu chính thức có kích cỡ $n = 50 + 8m$

(m: là số biến độc lập, n: số quan sát). Do mô hình nghiên cứu này gồm có 6 biến độc lập nên kích thước cỡ mẫu của $n = 50 + 8 \times 6 = 98$ quan sát, nhóm tác giả đã sử dụng 100 quan sát theo số liệu thứ cấp được thu thập từ 5 QTDND tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2018 - 2022). Với mô hình hồi quy hiệu ứng cố định (EFM- fixed effects regression model) đã cho ra kết quả như Bảng 2.

Kết quả hồi quy ở Bảng 2, cho thấy:

Kết quả hồi qui Fix-effects regression đối với ROA cho thấy các biến lãi suất cho vay bình quân, chi phí đầu tư cho công nghệ và thu nhập bình quân trong kỳ của người lao động có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các QTDND trên địa bàn với mức ý nghĩa thống kê 1%. Trong khi biến số lao động có trình độ từ đại học bình quân trong

kỳ cũng có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của QTDND nhưng với mức ý nghĩa thống kê thấp hơn, chỉ 5%. Bên cạnh đó, các biến lãi suất tiền gửi bình quân trong kỳ và số lần kiểm tra nội bộ trong kỳ cũng có ảnh hưởng lên ROA, tuy nhiên mối quan hệ này chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế chứ không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Cũng giống như ROA, kết quả hồi qui Fix-effects regression đối với ROE đã chỉ ra các biến có ảnh hưởng đến ROE với mức ý nghĩa thống kê 1% như lãi suất cho vay trung bình trong kỳ, lãi suất tiền gửi bình quân trong kỳ, số lao động có trình độ từ đại học bình quân trong kỳ và thu nhập bình quân trong kỳ của người lao động. Trong khi biến số lần kiểm tra nội bộ trong kỳ cũng có ảnh hưởng ROE của QTDND nhưng với mức ý nghĩa thống kê thấp

Bảng 2. Kết quả hồi quy mô hình hiệu ứng cố định

	(1)	(2)	(3)	(4)
VARIABLES	lnROE	lnROA	lnROE	lnROA
L.lnROE			0.058 (0.063)	
L.lnROA				-0.047** (0.014)
Average_Lending_Interest_Rate	7.557*** (1.295)	3.668*** (0.622)	6.905*** (1.377)	4.025*** (0.600)
Average_Deposit_Interest_Rate	11.042*** (0.904)	-0.153 (0.987)	12.033*** (1.743)	-0.741 (1.009)
Internal_Audit_Frequency	-0.143** (0.039)	0.015 (0.014)	-0.148** (0.036)	0.014 (0.011)
ICTECH	0.018 (0.010)	0.095*** (0.005)	0.028* (0.012)	0.101*** (0.006)
EWM	-1.301*** (0.263)	-0.222** (0.075)	-1.184** (0.331)	-0.254** (0.075)
lnWSPP	-0.758*** (0.015)	-0.879*** (0.014)	-0.736*** (0.023)	-0.891*** (0.011)
Constant	-3.184*** (0.549)	-8.127*** (0.197)	-3.231*** (0.598)	-8.355*** (0.164)
Observations	100	100	95	95
Number of ID	5	5	5	5
R-squared	0.940	0.892		
N	100	100	95	95
model	fe	fe	fe	fe
vcetype	Robust	Robust	Robust	Robust

Robust standard errors in parentheses

*** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$

Nguồn: Kết quả hồi qui dữ liệu từ Stata

hơn, chỉ 5%. Bên cạnh đó, biến chi phí đầu tư cho công nghệ cũng có ảnh hưởng lên ROE, tuy nhiên mối quan hệ này chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế chứ không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Từ các kết quả kiểm tra trên cho thấy mô hình có độ tin cậy rất cao với phương trình tổng quát của mô hình FEM được đo lường thông qua hệ số ROA và ROE có dạng tổng quát như sau:

$$\begin{aligned} ROA_{it} &= 3.668 * X_{1i1} - 0.222 * X_{2i2} \\ &\quad + 0.095 * X_{4i4} - 0.879 * X_{6i6} + w_{it} \\ ROE_{it} &= 7.557 * X_{1i1} - 1.301 * X_{2i2} \\ &\quad + 11.042 * X_{3i3} - 0.143 * X_{5i5} \\ &\quad - 0.758 * X_{6i6} + w_{it} \end{aligned}$$

4. Kết luận và giải pháp

Theo phương trình trên cho thấy 3 biến: lãi suất cho vay trung bình trong kỳ, số lao động có trình độ từ đại học bình quân trong kỳ và thu nhập bình quân trong kỳ của người lao động đều đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của QTDND dưới góc độ ROA lẫn ROE. Trong đó, các biến: số lao động có trình độ từ đại học bình quân trong kỳ và thu nhập bình quân trong kỳ của người lao động có tác động nghịch biến với ROA và ROE, nghĩa là khi lao động có trình độ từ đại học bình quân trong kỳ và thu nhập bình quân trong kỳ của người lao động tăng lên đến một mức độ nào đó sẽ làm cho ROA và ROE giảm xuống. Ngược với hai biến giải thích trên, biến lãi suất cho vay trung bình trong kỳ là biến có tác động cùng chiều và mạnh nhất lên cả ROA và ROE (với hệ số beta = + 3.668 và + 7.557), nghĩa là khi lãi suất cho vay trung bình trong kỳ tăng lên, hiệu quả hoạt động của các QTDND cũng đồng thời tăng theo.

Vì vậy, để phát huy những nhân tố tích cực, cũng như hạn chế những nhân tố tiêu cực có thể dẫn đến việc làm giảm hiệu quả hoạt động của các QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long ta cần sử dụng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, giải pháp về lãi suất tiền gửi. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả thấy lãi suất tiền gửi bình quân của các QTDND trong giai đoạn nghiên cứu chủ yếu tập trung ở mức dưới 6% với mức phổ biến nhất là 5,6%. Với mức lãi suất tiền

gửi đó đã tạo cho các QTDND có nhiều lợi thế trong việc huy động vốn, cũng như giải quyết đầu ra cho nguồn vốn huy động thông qua hoạt động chủ yếu của QTDND là cho vay khi lãi suất tiền gửi của các loại hình tổ chức tín dụng khác trên địa bàn trong giai đoạn này cao hơn nhiều. Tuy nhiên, việc huy động nguồn tiền gửi với lãi suất thấp cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về mặt thanh khoản khi khách hàng mong muốn có mức thu nhập từ tiền gửi cao hơn sẽ rút tiền để gửi sang các tổ chức tín dụng khác trên địa bàn. Chính vì thế, để đảm bảo vừa khai thác được nguồn vốn huy động với chi phí thấp, vừa tránh được rủi ro thanh khoản, bên cạnh việc các QTDND trên địa bàn Vĩnh Long tập trung huy động nguồn vốn nội bộ là chủ yếu cần phải có chính sách huy động tiền gửi với lãi suất phù hợp hơn với mặt bằng chung của các TCTD khác trên địa bàn để đảm bảo quyền lợi cho người gửi tiền bên ngoài QTD. Bên cạnh đó, cần có giải pháp ưu đãi trong việc tái cấp vốn cho khách hàng có tham gia gửi tiền tại các QTDND theo hướng nhận lãi thấp khi gửi tiền sẽ được hưởng lãi suất ưu đãi khi đi vay tại các QTDND.

Thứ hai, giải pháp về lãi suất cho vay. Về lãi suất cho vay, nhóm nghiên cứu thấy mặc dù mức lãi suất cho vay trung bình chỉ là 11.73% và phổ biến nhất là mức 13.85%. Tuy nhiên, có những lúc mức lãi suất cho vay bình quân tại các QTDND cũng khá cao, lên đến 18.98%, điều này đã tạo ra không ít khó khăn cho những khách hàng vay vốn của QTD, nhất là khách hàng chủ yếu thuộc các tổ chức, cá nhân là thành viên của QTD hoặc là khách hàng bên ngoài nhưng chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố về thiên tai, dịch bệnh và khó tiếp cận với những nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng khác trên địa bàn. Chính vì thế, các QTDND trên địa bàn cần có chính sách giảm lãi suất cho vay ở những thời điểm thích hợp để chia sẻ và đồng hành cùng với khách hàng ở những thời điểm khó khăn, nhất là ở giai đoạn dịch bệnh hoặc những lúc khó khăn về mùa vụ do ảnh hưởng của thiên tai hay do biến

động giá cả thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản của địa phương. Bên cạnh đó, các QTDND cũng cần tranh thủ cho vay với các đối tượng thực hiện các dự án đầu tư công hoặc các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho địa phương, nơi việc trả nợ vay luôn được đảm bảo bởi nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Thứ ba, giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy các QTDND trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có lực lượng lao động khá tốt khi đa số luôn duy trì lực lượng lao động có trình độ từ đại học tham gia vào các hoạt động của QTD trung bình trong nhóm từ 11 đến 15 người. Đây là một điểm nổi bật của các QTDND ở Vĩnh Long, nơi được mệnh danh vùng đất học với rất nhiều trường đại học tọa lạc trên địa bàn đã đào tạo ra nhiều thế hệ lực lượng lao động có trình độ cao. Tuy nhiên, từ kết quả nghiên cứu cũng đặt ra yêu cầu đối với các QTD trên địa bàn cần phải cơ cấu và bố trí nguồn lực có trình độ từ đại học một cách hợp lý để tránh tình trạng thừa thầy thiếu thợ, không những làm gia tăng chi phí hoạt động của QTD mà còn làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của QTD. Bên cạnh đó, các QTD cũng phải thường xuyên đưa lực lượng lao động của mình tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ tại các trường đại học trên địa bàn thông qua các lớp tập huấn thường niên của Liên minh hợp tác xã và Ngân hàng Nhà nước Vĩnh Long để vừa tiết kiệm được chi phí đào tạo hàng năm, vừa góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ công nhân viên tại các QTD.

Thứ tư, giải pháp về việc đầu tư cho công nghệ. Việc tăng cường đầu tư cho công nghệ là xu thế tất yếu của các tổ chức, cá nhân có tham gia vào hoạt động kinh tế xã hội nói chung cũng như của các QTD nói riêng để góp phần mang lại lợi thế cạnh tranh cho mình. Tuy nhiên, từ kết quả nghiên cứu các QTD trên địa bàn Vĩnh Long chỉ ra rằng khi chi phí đầu tư cho công nghệ ở mức dưới 50 triệu đồng chiếm tỷ lệ càng cao thì hiệu quả hoạt động của QTDND ở Vĩnh Long càng tăng lên.

Điều này đặt ra yêu cầu đối với các QTDND ở Vĩnh Long là việc tăng đầu tư cho công nghệ để bắt kịp xu hướng của thời đại là hợp lý. Tuy nhiên việc đầu tư này cũng phải đảm bảo tính hợp lý, phù hợp với yêu cầu của các QTD và đặc điểm của thị trường nơi các QTD đóng trụ sở, nhất là ở các địa bàn nông thôn nơi đòi hỏi người dân tiếp cận với các công nghệ ngân hàng hiện đại là một vấn đề hết sức khó khăn để đảm bảo việc đầu tư cho công nghệ không những mang lại hiệu quả cho các QTD mà còn tránh được những lãng phí không cần thiết. Bên cạnh đó, các QTD trên địa bàn cũng cần tranh thủ các dự án phát triển công nghệ của địa phương phù hợp với điều kiện của QTD để vừa khai thác được tiềm năng công nghệ cho mình, vừa tiết kiệm được chi phí đầu tư.

Thứ năm, giải pháp về công tác kiểm tra nội bộ. Từ kết quả nghiên cứu nhóm thấy rằng, việc tăng cường công tác kiểm tra nội bộ sẽ góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động của QTD. Tuy nhiên, khi tỷ trọng của 1 lần kiểm tra nội bộ càng tăng lên thì hiệu quả hoạt động của QTD xét ở góc độ là ROA và ROE cũng sẽ tăng lên. Điều này đã đặt ra yêu cầu đối với các QTD không thể lơ là công tác kiểm tra nội bộ. Tuy nhiên, việc thực hiện công tác kiểm tra nội bộ không nên quá một lần trong một kỳ để vừa đảm bảo cán bộ công nhân viên của QTD biết tuân thủ các nguyên tắc và qui định trong hoạt động của QTD, vừa đảm bảo không tạo ra nhiều áp lực để họ làm việc tốt hơn góp phần mang lại hiệu quả cho hoạt động của QTD của mình.

Thứ sáu, giải pháp về tăng thu nhập cho người lao động. Thu nhập tăng lên như là một động lực giúp cho người lao động chuyên tâm hơn với công việc nhằm mang lại kết quả tốt nhất cho người lao động, cũng như là người sử dụng lao động. Kết quả nghiên cứu của nhóm đã chỉ ra, khi tỷ trọng của những mức thu nhập cao tăng lên sẽ làm cho hiệu quả hoạt động của QTD trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tăng theo. Bên cạnh đó, dữ liệu có được cũng chỉ ra mức thu nhập bình quân của người lao động tại các QTD ở Vĩnh Long

trong suốt giai đoạn nghiên cứu là 6.363 triệu đồng với mức phổ biến là 6.3 triệu đồng, mức thu nhập này thuộc nhóm có tỷ trọng cao nhất (mức thu nhập bình quân từ 10 triệu đồng trở xuống) trong các dữ liệu thu thập được, với tỷ trọng lên đến 80%, trong khi hai nhóm có thu nhập bình quân cao hơn (mức trên 10 triệu đồng) chỉ chiếm tỷ trọng 20%. Điều này đã đặt ra yêu cầu đối với

các QTD trên địa bàn Vĩnh Long rằng việc tăng thu nhập cho người lao động rất cần thiết nhưng phải có trọng tâm, không nên tăng thu nhập theo kiểu đại trà là thời gian làm việc đủ năm, đủ tháng sẽ được nâng lương mà nên tập trung vào những người có năng lực thật sự, có khả năng dẫn dắt phần lao động còn lại để tạo ra kết quả tốt nhất cho hoạt động của QTD ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lộc, T.Đ., & Thép, N.V. (2015). Các yếu tố ảnh hưởng rủi ro tín dụng của các quỹ tín dụng nhân dân ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, 5, 61-70.
2. Tú, TT, Nhung, ĐH, & Đức, DN (2017). Các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ của Quỹ tín dụng nhân dân: Trường hợp đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam. Nghiên cứu Tài chính Kế toán, 6, 150.
3. Hà, VD (2020). Mối quan hệ tương tác và nhân quả giữa năng suất và sự bền vững tài chính của các quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam. Tạp chí Học thuật Nghiên cứu Liên ngành, 9, 115-115.
4. Dũng, N.T., & Triết, T.T. (2021). Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát và kiểm toán nội bộ quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang. Tạp chí Tạp chí Ngân hàng, 8, 35-39.
5. Thọ, L. Q. (2019). Các yếu tố tác động đến tỷ suất sinh lợi của các quỹ tín dụng nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Thái Mỹ Anh (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số lợi nhuận của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Công Thương, Số 14, tháng 6 năm 2021, truy cập tại <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-yeu-to-anh-huong-den-chi-so-loi-nhuan-cua-cac-quy-tin-dung-nhan-dan-tren-dia-ban-dong-bang-song-cuu-long-82464.htm>
7. RajabBeighy, M., Ahmadi-Ghabankandi, A., & Majidazar, M. (2008). The Rural People Attitude and Tendency Toward Utilize Rural Credit Funds: A Case Study of Tehran Province (Iran). American-Eurasian J. Agric. & Environ. Sci., 2 (Supple 1), 69-73.
8. Wolz, Axel (1999). Achievements and Problems of People's Credit Funds in Vietnam. [Online] Available at <https://www.findevgateway.org/sites/default/files/publications/files/mfg-en-paper-achievements-and-problems-of-peoples-credit-funds-in-vietnam-mar-1999.pdf>
9. Zaidi, H. (2017). Impact of Microfinance on Socio-Economic Conditions of the Borrowers: A Case Study of Akhuwat Foundation (Lahore). European Journal of Multidisciplinary Studies, 6, 239.
10. Latané, B., Williams, K.D., & Harkins, S.G. (1979). Many Hands Make Light the Work: The Causes and Consequences of Social Loafing. Journal of Personality and Social Psychology, 37, 822-832.

Ngày nhận bài: 11/8/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 21/8/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/9/2023

Thông tin tác giả:

1. NGUYỄN QUỐC BÌNH¹

2. LÊ TUẤN MÃNH¹

3. NGUYỄN ĐỨC VINH¹

4. HUYNH DUY THANH²

¹Khoa Tài chính - Ngân hàng

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Phân hiệu Vĩnh Long

²Văn phòng phân hiệu

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Phân hiệu Vĩnh Long

SOLUTIONS FOR IMPROVING THE PERFORMANCE OF PEOPLE'S CREDIT FUNDS IN VINH LONG PROVINCE

● **NGUYEN QUOC BINH¹**

● **LE TUAN MANH¹**

● **NGUYEN DUC VINH¹**

● **HUYNH DUY THANH²**

¹Faculty of Finance - Banking,

University of Economics Ho Chi Minh City - Vinh Long Campus

²The Campus Office,

University of Economics Ho Chi Minh City - Vinh Long Campus

ABSTRACT:

This study analyzes the performance of People's Credit Funds in Vinh Long province and compares it with that of People's Credit Funds in other provinces in the Mekong Delta region. The study identifies the factors affecting the performance of People's Credit Funds in Vinh Long province. In this study, data was collected from 2018 to 2022. Based on the study's results, some solutions are proposed to improve the performance of People's Credit Funds in Vinh Long province in the future.

Keywords: credit funds, credit institutions, performance, Vinh Long province